

Số: 2882 /ĐHCT-ĐT

Cần Thơ, ngày 16 tháng 9 năm 2026

V/v xóa các lớp học phần có sĩ số không đủ
mở lớp học kỳ 1, năm học 2026-2027 (đợt 2)

Kính gửi:

- Lãnh đạo các đơn vị;
- Giảng viên;
- Cố vấn học tập các lớp;
- Sinh viên chính quy trong toàn đại học.

Hiện nay, công tác đăng ký học phần đợt 2 (đợt cuối) học kỳ 1, năm học 2026-2027 đã kết thúc. Qua rà soát, một số lớp học phần có số lượng sinh viên đăng ký không đủ điều kiện mở lớp theo quy định của công tác học vụ, Đại học Cần Thơ (ĐHCT) thông báo như sau:

- Xóa các lớp học phần có sĩ số đăng ký không đủ điều kiện mở lớp (***danh sách đính kèm***).
- Sinh viên đăng ký vào các lớp học phần thông báo xóa, nếu có nhu cầu chuyển đổi sang các lớp học phần khác phải liên hệ Phòng Đào tạo (email: nhdnhan@ctu.edu.vn) để được hỗ trợ từ ngày ra thông báo đến hết ngày **18/9/2026**. Sau thời gian này, ĐHCT sẽ chính thức xóa kết quả đăng ký của sinh viên.

Đề nghị lãnh đạo các đơn vị phổ biến nội dung công văn này đến toàn thể giảng viên, cố vấn học tập và sinh viên biết để triển khai thực hiện đúng quy định.

Trân trọng./. *lv*

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGD (để báo cáo);
- Website: ĐHCT, PĐT;
- Lưu: VT, PĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Hải

Trần Ngọc Hải

DANH SÁCH LỚP HỌC PHẦN XÓA LỚP
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2026-2027 (ĐỢT 2)

(Đính kèm CV số: /ĐHCT-ĐT, ngày /9/2026, V/v xóa các lớp học phần có sĩ số không đủ mở lớp)

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Ký hiệu	Mã số CBGD	Họ và tên CBGD
1	CN366	Thi công cầu	2	01	002379	Trần Nhật Lâm
2	CN403	Quá trình và thiết bị công nghiệp	2	01	000466	Nguyễn Văn Cương
3	CS111	Vì sinh học đại cương B	2	01	002951	Đoàn Thị Kiều Tiên
4	CT054H	Lập trình căn bản A	4	M01	001348	Phạm Nguyên Khang
5	CT056HE	Kỹ năng thuyết trình	1	M01	700523	Trần Minh Hùng
6	CT095	Dự án phim hoạt hình 3D	3	01	001170	Nguyễn Thị Thùy Linh
7	CT188	Nhập môn lập trình Web	3	03	002455	Lê Văn Quan
8	CT200	Nền tảng công nghệ thông tin	4	01	001457	Lê Hoàng Thảo
9	CT258	Phát triển hệ thống thương mại điện tử	3	01	001324	Trần Thanh Điện
10	CT501E	Tiểu luận tốt nghiệp - CNTT	6	01	001943	Lâm Nhựt Khang
11	CT516E	Thực tập doanh nghiệp - KHMT	5	01	002937	Mã Trường Thành
12	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	03	002246	Nguyễn Hoàng Thái
13	FL225	Nghe - Nói C1.3	2	01	002807	Nguyễn Duy Khang
14	FL405H	Giao tiếp liên văn hóa	2	M02	001967	Ngô Huỳnh Hồng Nga
15	KC086E	Tin học chuyên ngành kiến trúc nâng cao	3	01	002981	Võ Thùy Dương
16	KC135E	Kỹ thuật dự báo trong công nghiệp	3	03	003116	Trần Huỳnh Phương Thi
17	KC149	Kỹ thuật sản xuất chất dẻo	3	01	002228	Cao Lưu Ngọc Hạnh
18	KC152	Công nghệ hóa hương liệu	3	01	002153	Huỳnh Liên Hương
19	KC185	XD dự án Kỹ thuật phục vụ CD (EPICS)	3	03	001064	Trần Thanh Hùng
20	KC192	Tin học ứng dụng nâng cao - QLCN	3	02	002476	Nguyễn Trường Thi
21	KC248	Công trình xanh	2	01	001813	Châu Minh Khải
22	KC254	Chuyên đề 3 - Nền móng	2	01	000497	Trần Văn Hùng
23	KC314	Chuyên đề Giao thông thông minh	2	01	001808	Phạm Hữu Hà Giang
24	KC338E	Vận tải hàng hóa	3	02	002059	Trần Thị Mỹ Dung
25	KC343E	Lập trình ứng dụng - CK	2	01	001703	Nguyễn Hữu Cường
26	KC354E	Mô hình thông tin xây dựng (BIM)	2	01	001915	Lê Tuấn Tú
27	KC401	Tiểu luận tốt nghiệp - KTD	6	01	002722	Quách Ngọc Thịnh
28	KC491	Toán cơ sở cho hệ thống điều khiển	2	M01	002175	Phạm Phú Cường
29	KC491	Toán cơ sở cho hệ thống điều khiển	2	M02	001941	Nguyễn Chánh Nghiệm
30	KL105	Luật so sánh	2	03	002492	Nguyễn Anh Thư
31	KL115	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Luật	2	03	001891	Đinh Thanh Phương
32	KL232	Luật thương mại quốc tế tư	3	01	002561	Nguyễn Huỳnh Anh
33	KL303	Luật hành chính 1	2	H01	001699	Huỳnh Thị Sinh Hiền
34	KL420E	Pháp luật về giá đất	2	01	002405	Châu Hoàng Thân
35	KL420E	Pháp luật về giá đất	2	H01	002405	Châu Hoàng Thân
36	KN001E	Kỹ năng mềm	2	06	002459	Trần Duy Phát
37	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	12	002510	Trần Thị Thúy Hằng
38	KT105	Toán kinh tế 1	3	04	001989	Huỳnh Thị Kim Uyên
39	KT113	Kinh tế lượng	3	03	001345	Nguyễn Văn Ngân
40	KT113	Kinh tế lượng	3	06	001870	Bùi Thị Kim Thanh
41	KT113	Kinh tế lượng	3	07	002382	Đỗ Thị Hoài Giang
42	KT114E	Kinh tế công cộng	3	01	002600	Cao Minh Tuấn

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Ký hiệu	Mã số CBGD	Họ và tên CBGD
43	KT205	Quy hoạch tuyến tính	3	01	001989	Huỳnh Thị Kim Uyên
44	KT257	Phương pháp nghiên cứu trong Tài chính	2	01	001695	Phan Đình Khôi
45	KT303	Kinh tế quốc tế	3	H01	001989	Huỳnh Thị Kim Uyên
46	KT308	Quản trị tài chính	3	06	002499	Nguyễn Trung Tính
47	KT321	Nghiên cứu marketing	3	02	000553	Lưu Tiến Thuận
48	KT339	Kế toán quản trị 1	3	03	001881	Nguyễn Thu Nha Trang
49	KT342	Kế toán tài chính 2	3	01	001046	Đàm Thị Phong Ba
50	KT425	Anh văn thương mại 1	3	H01	001152	Trần Thy Linh Giang
51	KT441E	Chuyên đề Marketing	2	01	001634	Lê Kim Thanh
52	KT461	Nghiệp vụ thanh toán	3	01	002222	Trần Thị Hạnh Phúc
53	KT470	Tài chính công	3	01	002910	Lê Ngọc Thanh Tâm
54	KT479	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	01	001984	Hồ Lê Thu Trang
55	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	14	002741	Nguyễn Ngọc Cẩn
56	MT231	Phân tích sinh kế trong thay đổi sử dụng đất	2	01	002447	Nguyễn Thị Song Bình
57	MT324	Quản lý đất ngập nước	2	01	000403	Dương Trí Dũng
58	MT466	Đồ án xử lý nước thải ĐT, CN & NT	2	01	001297	Nguyễn Võ Châu Ngân
59	MT503	Luận văn tốt nghiệp - QLDD	14	01	003070	Lý Trung Nguyên
60	NN111E	PP nghiên cứu khoa học - Nông nghiệp	2	03	002398	Lê Minh Tường
61	NN158E	Anh văn chuyên ngành - CNTP	2	02	003083	Trần Hồng Quân
62	NN320E	Xây dựng chuồng trại	2	01	002137	Nguyễn Thị Kim Khang
63	NN351	Luận văn tốt nghiệp - Thú y	10	01	000394	Trần Ngọc Bích
64	NS199	Khía cạnh XH của CNSH trong nông nghiệp	2	01	002439	Nguyễn Đắc Khoa
65	NS256E	Hóa dược Thú y	2	01	002796	Nguyễn Khánh Thuận
66	NS393	Công nghệ chế biến sản phẩm từ ngũ cốc	2	02	001006	Nhan Minh Trí
67	SG235	DH chính tả ở TH theo đặc điểm phương ngữ	2	01	002095	Trịnh Thị Hương
68	TN033	Tin học căn bản (*)	1	02	002395	Đặng Mỹ Hạnh
69	TN065	TT. Hóa vô cơ - Hóa dược	2	01		
70	TN346E	Xử lý số liệu thống kê	3	01	001846	Lê Thị Mỹ Xuân
71	TN379	TT. Hóa học hợp chất thiên nhiên	1	02		
72	TN437	Hóa môi trường	3	01	001742	Ngô Kim Liên
73	TS083	Sinh hóa đại cương	3	01	002521	Nguyễn Quốc Thịnh
74	TS164	Đánh giá cảm quan sản phẩm thủy sản	2	01	002639	Nguyễn Lê Anh Đào
75	TS196	Thực vật thủy sinh	2	01	001953	Nguyễn Thị Kim Liên
76	TS214	Công nghệ sau thu hoạch thủy sản	3	01	002072	Lê Thị Minh Thủy
77	TS313	Kỹ thuật nuôi động vật thân mềm	2	04	002078	Ngô Thị Thu Thảo
78	TS409	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác	2	03	002424	Lê Quốc Việt
79	TS416	Công nghệ chế biến thủy sản lạnh đông	3	01	002073	Trương Thị Mộng Thu
80	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	02	003023	Nguyễn Văn Thuận
81	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	04	002079	Nguyễn Thị Kim Thi
82	XH028	Xã hội học đại cương	2	07	002526	Nguyễn Văn Nay
83	XN248	Văn học ấn Độ và Đông Bắc á	3	01	001607	Bùi Thanh Thảo

Danh sách có: **83** lớp học phần.